

Số: /QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch và ban hành Quy định quản lý xây dựng
kèm theo đề án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thăng Bình,
giai đoạn đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2021/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đề án quy hoạch xây dựng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1737/QĐ-TTg ngày 13/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 4206/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc ban hành Quy định quản lý theo đề án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 2181/QĐ-UBND ngày 19/6/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thăng Bình giai đoạn đến năm 2020 và năm 2030; số 1189/QĐ-UBND ngày 09/6/2023 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc Phê duyệt điều

chính nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thăng Bình giai đoạn đến năm 2030;

Căn cứ Thông báo số 289-TB/TU ngày 07/01/2022 của Tỉnh Ủy Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh Ủy Quảng Nam;

Theo Thông báo số 313/TB-UBND ngày 18/8/2020 của UBND tỉnh về Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Lê Trí Thanh tại cuộc họp thông qua các đề án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thăng Bình, giai đoạn đến năm 2030 và Quy hoạch chung xây dựng đô thị Bình Minh, huyện Thăng Bình, giai đoạn đến năm 2030;

Theo kết quả biểu quyết của thành viên UBND tỉnh về đề án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thăng Bình giai đoạn đến năm 2030 tại Công văn số 50/SXD-QLQH ngày 11/01/2024 của Sở Xây dựng về tiếp thu, giải trình;

Theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 04/8/2023 và Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 15/12/2023 của HĐND huyện Thăng Bình về thông qua đề án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thăng Bình giai đoạn đến năm 2030;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Thăng Bình tại Tờ trình số 331/TTr-UBND ngày 05/10/2023 của UBND huyện Thăng Bình về việc đề nghị thẩm định, phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thăng Bình, giai đoạn đến năm 2030; Báo cáo số 520/BC-UBND ngày 26/10/2023 tiếp thu, giải trình, hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thăng Bình, giai đoạn đến năm 2030; Báo cáo số 647/BC-UBND ngày 08/12/2023 về việc đề nghị thẩm định, phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thăng Bình, giai đoạn đến năm 2030; Báo cáo số 35/BC-UBND ngày 19/01/2024, số 56/BC-UBND ngày 02/02/2024 về việc tiếp thu, giải trình ý kiến Thành viên UBND tỉnh và trình phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thăng Bình, giai đoạn đến năm 2030;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Kết quả thẩm định số 10/ThĐ-SXD ngày 11/12/2023, Báo cáo số 23/BC-SXD ngày 05/02/2024 về tổng hợp ý kiến thành viên UBND tỉnh về đề án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thăng Bình giai đoạn đến năm 2030.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thăng Bình, giai đoạn đến năm 2030 với các nội dung sau:

1. Phạm vi ranh giới và quy mô lập quy hoạch

- Phạm vi ranh giới: toàn bộ địa giới hành chính huyện Thăng Bình; có ranh giới:

+ Phía Đông : giáp Biển Đông;

+ Phía Tây : giáp huyện Hiệp Đức và huyện Tiên Phước;

+ Phía Nam : giáp thành phố Tam Kỳ và huyện Phú Ninh;

+ Phía Bắc : giáp huyện Duy Xuyên và Quế Sơn.

- Tổng diện tích đất tự nhiên: 412,25 km², với 22 đơn vị hành chính (21 xã và thị trấn Hà Lam).

2. Tính chất: là vùng trọng điểm phát triển về dịch vụ thương mại, công nghiệp; động lực phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh Quảng Nam.

3. Mục tiêu của đồ án

- Cụ thể hóa các định hướng phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện. rà soát, điều chỉnh, khớp nối các quy hoạch trên địa bàn huyện;

- Làm cơ sở để triển khai lập quy hoạch nông thôn và dự án đầu tư xây dựng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật huyện.

4. Tiềm năng và động lực phát triển

a) Về ngoại vùng:

- Thuộc cụm động lực số 2 (Duy Xuyên, Thăng Bình, Quế Sơn); liên kết hỗ trợ phát triển với Cụm động lực số 1 (Hội An, Điện Bàn, Đại Lộc) và Cụm động lực số 3 (Tam Kỳ, Núi Thành, Phú Ninh);

- Có tiềm năng phát triển về dịch vụ, thương mại và phát triển công nghiệp với quy mô lớn tại vùng Trung. Bao gồm một phần diện tích phát triển mới theo Quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế mở Chu Lai.

b) Về nội vùng: có di tích lịch sử, thắng cảnh đẹp để phát triển du lịch; quỹ đất ven biển lớn, đang được đầu tư hạ tầng khung tạo điều kiện tốt để thu hút các nhà đầu tư. Lực lượng lao động dồi dào; quỹ đất nông, lâm nghiệp lớn thuận lợi cho phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, trồng rừng sản xuất, rừng gỗ lớn và chuyển đổi cơ cấu ngành nghề.

5. Các chỉ tiêu phát triển vùng

a) Dân số: đến năm 2030 đạt khoảng 200.000 người; trong đó, dân số đô thị khoảng 145.000 người, nông thôn khoảng 55.000 người.

b) Đô thị hóa: tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2030 đạt khoảng 73%.

c) Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chính: được áp dụng theo Thông tư 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN: 01/2021/BXD; Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01/02/2016 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật QCVN 07:2016/BXD.

6. Định hướng phát triển không gian vùng

a) Phân vùng phát triển:

- Tiểu vùng Đông: gồm 08 xã Bình Triều, Bình Giang, Bình Dương, Bình Minh, Bình Hải, Bình Nam, Bình Đào, Bình Sa. Định hướng phát triển du lịch, đô thị, công nghiệp, nông nghiệp. Đầu tư phát triển theo định hướng đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế mở Chu Lai; trong đó, về không

gian phát triển đô thị, định hướng đô thị Bình Minh, một số xã của tiểu vùng Đông cùng với một số xã tiểu vùng Trung trở thành khu vực nội thị của đô thị loại IV Thăng Bình;

- Tiểu vùng Trung: gồm 06 xã Bình Tú, Bình Quý, Bình Nguyên, Bình An, Bình Trung, Bình Phục và thị trấn Hà Lam. Định hướng phát triển đô thị, thương mại, dịch vụ, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp làng nghề, nông lâm nghiệp; trong đó về không gian phát triển đô thị, định hướng đô thị Hà Lam, một số xã của tiểu vùng Trung, tiểu vùng Đông trở thành khu vực nội thị của đô thị loại IV Thăng Bình;

- Tiểu vùng Tây: gồm 07 xã Bình Lãnh, Bình Trị, Bình Định Bắc, Bình Định Nam, Bình Phú, Bình Chánh, Bình Quế. Định hướng phát triển nông lâm nghiệp, du lịch, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ; trung tâm vùng là Hà Châu (Bình Phú), Bình Trị.

b) Phân bố và xác định quy mô các không gian phát triển

- Nông, lâm, thủy sản:

+ Tiểu vùng Đông: phát triển chuỗi nông nghiệp với các loại cây trồng chủ yếu là rau sạch, hình thành vùng nông nghiệp an toàn, nông nghiệp công nghệ cao, các vùng nuôi trồng thủy sản chất lượng cao tại sông Trường Giang cung cấp cho các dịch vụ nghỉ dưỡng ven biển. Không bố trí chăn nuôi tập trung.

+ Tiểu vùng Trung: phát triển vùng chuyên canh nông nghiệp đặc biệt là phát triển vùng lúa gạo chuyên canh.

+ Tiểu vùng Tây: phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại các khu vực có quỹ đất thuận lợi, dọc kênh Phú Ninh tại Bình Quý, Bình Chánh, Bình Quế, Bình Phú; phát triển các vùng nuôi trồng thủy sản tại các hồ lớn tại khu vực kết hợp phát triển du lịch. Phát triển kinh tế rừng, kinh tế vườn đồi, kinh tế trang trại theo mô hình kinh tế nông lâm kết hợp. Trồng rừng gỗ lớn khai thác thế mạnh về rừng trồng sản xuất, các loại cây dược liệu. Phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung tại một số địa phương có điều kiện phù hợp.

- Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

+ Khu công nghiệp: bao gồm các khu công nghiệp thuộc Khu Kinh tế mở Chu Lai; khu công nghiệp Bắc Thăng Bình 1 và khu công nghiệp Bắc Thăng Bình 2 quy mô khoảng 1.000ha thuộc khu vực phát triển công nghiệp - đô thị - dịch vụ phía Tây sông Trường Giang; khu công nghiệp phía Tây cao tốc đoạn qua huyện Thăng Bình quy mô khoảng 400 ha thuộc khu vực phát triển công nghiệp - đô thị - dịch vụ phía Tây đường Cao tốc; khu công nghiệp Công nghệ cao 2 huyện Thăng Bình quy mô khoảng 300 ha; khu công nghiệp Bình Lâm - Bình Lãnh quy mô khoảng 490ha.

+ Cụm công nghiệp: có 09 cụm công nghiệp bao gồm Hà Lam - Chợ Đước, Kế Xuyên - Quán Gò, Bình An, Dốc Tranh, Rừng Lãm, Bình Hòa, Quý Xuân,

Châu Xuân Tây, Ngọc Sơn – Bình Phục (trong đó cụm công nghiệp Châu Xuân Tây nằm trong ranh giới quy hoạch khu công nghiệp phía Tây cao tốc, cụm công nghiệp Ngọc Sơn - Bình Phục nằm trong ranh giới quy hoạch khu công nghiệp Bắc Thăng Bình 2);

+ Tiểu thủ công nghiệp: đẩy mạnh phát triển tiểu thủ công nghiệp nông thôn theo hướng khuyến khích các ngành nghề truyền thống gắn với vùng nguyên liệu và các tuyến du lịch làng nghề trên địa bàn huyện.

- Thương mại, dịch vụ

+ Không gian phát triển thương mại dịch vụ tập trung tại các đô thị Hà Lam, Bình Minh; các trung tâm cụm xã, trung tâm xã; các khu chức năng; dọc theo các trục chính Đông Tây, các trục chính Bắc Nam.

+ Đến năm 2030 trên địa bàn huyện có 28 chợ. Trong đó, có 03 chợ hạng 1 (chợ Hà Lam, chợ Bình Minh, chợ đầu mối nông sản miền Trung – Tây nguyên); còn lại là các chợ phân bố tại các xã phục vụ cho nhân dân trong vùng.

- Du lịch:

+ Phía Tây: định hướng khu vực phát triển du lịch tại khu di tích quốc gia đặc biệt Phật viện Đồng Dương, các điểm du lịch tại Hồ Cao, Hồ Đông Tiền, Hồ Đập Phước Hà, Hồ Do;

+ Phía Đông: thu hút, phát triển các dự án du lịch nghỉ dưỡng tại khu vực Khu Kinh tế mở Chu Lai, khu vực ven sông, ven biển huyện Thăng Bình.

c) Định hướng tổ chức hệ thống đô thị, nông thôn

- Đô thị:

Gồm thị trấn Hà Lam (dự kiến phân loại đô thị loại IV giai đoạn 2025 - 2030) và đô thị mới Bình Minh (dự kiến phân loại đô thị V và hình thành thị trấn giai đoạn 2025-2030); đến năm 2030, phần đầu đô thị Hà Lam mở rộng kết nối với đô thị Bình Minh và các xã lân cận, nâng cấp lên thành cấp hành chính là thị xã Thăng Bình.

- Nông thôn:

+ Tập trung xây dựng trung tâm cụm xã Bình Trị và trung tâm cụm xã Hà Châu (Bình Phú).

+ Phát triển hoàn thiện các khu trung tâm xã theo quy hoạch nông thôn mới được duyệt.

+ Các điểm dân cư: phát triển ổn định và mở rộng các khu dân cư hiện có; sắp xếp dân cư phòng chống thiên tai, sạt lở, các điểm dân cư nhỏ lẻ, các điểm dân cư nằm trong các vùng rừng phòng hộ; xây dựng các công trình phòng chống giảm nhẹ thiên tai, hoàn thành việc phát triển nhà ở kiên cố; phân đầu xây dựng các điểm dân cư nông thôn đạt các tiêu chí khu dân cư kiểu mẫu.

d) Định hướng tổ chức các khu chức năng

- Khu Kinh tế mở Chu Lai (thuộc ranh giới hành chính huyện Thăng Bình): thực hiện theo đồ án quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam của Thủ tướng Chính phủ.

- Khu công nghiệp (nằm ngoài khu vực Kinh tế mở Chu Lai): khu công nghiệp Bắc Thăng Bình 1 và khu công nghiệp Bắc Thăng Bình 2 quy mô khoảng 1.000ha thuộc khu vực phát triển công nghiệp - đô thị - dịch vụ phía Tây sông Trường Giang; khu công nghiệp phía Tây cao tốc đoạn qua huyện Thăng Bình quy mô khoảng 400 ha thuộc khu vực phát triển công nghiệp - đô thị - dịch vụ phía Tây đường Cao tốc; khu công nghiệp Công nghệ cao 2 huyện Thăng Bình quy mô khoảng 300 ha; khu công nghiệp Bình Lâm - Bình Lãnh quy mô khoảng 490ha.

- Khu vực du lịch ven sông Trường Giang, ven biển huyện Thăng Bình: Quy mô: khoảng 5.400 ha; tại khu vực các xã ven sông Trường Giang, ven biển huyện Thăng Bình (kết nối giữa Khu Kinh tế mở Chu Lai với đô thị Duy Hải – Duy Nghĩa, huyện Duy Xuyên); định hướng phát triển dịch vụ, du lịch gắn với phát triển đô thị và nông thôn.

đ) Định hướng phát triển hạ tầng xã hội

- Giáo dục - đào tạo: tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học. củng cố và mở rộng quy mô trường, lớp hợp lý, phù hợp với điều kiện thực tế. Phần đầu đến năm 2030, có 100% trường mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia. Dự trữ quỹ đất nhằm thu hút đầu tư xây dựng các trường tư nhân tại các trung tâm đô thị vùng Đông và vùng Trung.

- Y tế: củng cố, hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở, nâng cấp trung tâm y tế huyện và các trạm y tế xã; thu hút dự án Bệnh viện đa khoa quốc tế, chuyên ngành cấp khu vực, cấp tỉnh, dự án du lịch kết hợp chăm sóc sức khỏe, nghỉ dưỡng cho người cao tuổi.

- Văn hóa - thể thao: xây dựng hệ thống công viên, cây xanh đô thị tại thị trấn Hà Lam, đô thị mới Bình Minh; xây dựng các khu vực quảng trường công cộng dọc biên, các trung tâm thể dục thể thao cấp đô thị tại các khu vực đô thị mới Bình Minh. Các thiết chế văn hóa thể dục thể thao cấp xã đáp ứng tiêu chí theo quy hoạch xây dựng nông thôn cấp xã. Đầu tư bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa, các hoạt động lễ hội, các làng nghề truyền thống (lễ hội đua thuyền và Cộ Bà Chợ Được, lễ tế Cá Ông).

e) Định hướng các khu vực bảo tồn, khu vực bảo vệ cảnh quan thiên nhiên

- Các khu vực bảo vệ cảnh quan và nông nghiệp kết hợp phát triển du lịch, thoát lũ:

+ Khu vực dọc hai bên tuyến đường Võ Chí Công, rộng 100m mỗi bên. Khu vực cây xanh dọc tuyến đường từ đường ĐT619 (nút giao tại xã Bình Sa) kết nối vào Quốc lộ 14H.

+ Khu vực ven sông Trường Giang; ven sông Ly Ly.

+ Khu vực cảnh quan, nông nghiệp kết hợp hành lang thoát lũ nổi hạ lưu bầu Hà Kiều với sông Trường Giang.

+ Khu vực cảnh quan, nông nghiệp kết hợp hành lang thoát lũ nổi hạ lưu bầu Hà Kiều và sông Bàn Thạch (thành phố Tam Kỳ).

+ Khu vực dọc hành lang giữa đường Cao tốc Đà Nẵng-Quảng Ngãi và tuyến đường sắt cao tốc quy hoạch.

+ Khu vực nông nghiệp phía Nam.

- Khu vực rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, rừng ngập mặn ven biển: Hạn chế tối đa việc chuyển đổi rừng phòng hộ, rừng ngập mặn (nếu có). Bảo vệ nghiêm ngặt khu vực rừng tự nhiên (nếu có).

- Hành lang các tuyến sông: đảm bảo hành lang cách ly bảo vệ sông và dự phòng khi có lũ.

- Khu vực an ninh, quốc phòng: bảo vệ các quỹ đất an ninh, quốc phòng. Việc xây dựng tại các khu vực này và vùng phụ cận cần thỏa thuận với các cơ quan quản lý có liên quan theo quy định.

- Các khu di tích văn hóa lịch sử quan trọng: lập danh mục cụ thể, xác định các giá trị và quy định ranh giới khu vực bảo tồn làm cơ sở định hướng cho hoạt động xây dựng, bảo vệ di tích theo Luật di sản.

- Kiểm soát và cấm mọi hoạt động xây dựng xâm phạm hành lang bảo vệ vùng thoát lũ; hành lang bảo vệ di tích văn hóa lịch sử; hành lang bảo vệ an toàn các tuyến hạ tầng kỹ thuật; hành lang dự trữ phát triển các tuyến hạ tầng; vùng cảnh quan sinh thái.

- Xây dựng công trình, kết cấu hạ tầng trong khu vực sản xuất nông nghiệp cần phải quy hoạch, thiết kế để đảm bảo không gian cảnh quan chung của vùng nông thôn.

7. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật

a) Chuẩn bị kỹ thuật

- Cao độ không chế nền tối thiểu (Hxd) phải cao hơn mực nước tính toán (Htt) tối thiểu 0,3m đối với đất dân dụng và 0,5m đối với đất công nghiệp: $H_{xd} = H_{tt} + 0,3m (0,5m)$.

- Hướng thoát nước chung của toàn huyện là chảy về các hệ thống sông Trường Giang, sông Ly Ly và sông Bàn Thạch.

- Phân vùng thoát nước:

+ Vùng phía Tây: Bao gồm diện tích tự nhiên các xã: Bình Lãnh, Bình Trị, Bình Định Nam, Bình Định Bắc, Bình Quý và khu vực có các hồ lớn: hồ Cao Ngạn (Bình Lãnh), hồ Đông Tiễn (Bình Trị), hướng thoát chính ra sông Ly Ly.

+ Vùng phía Đông: bao gồm diện tích tự nhiên các xã, thị trấn: Hà Lam, Bình Nguyên, Bình Giang, Bình Dương, Bình Phục, Bình Triều, Bình Đào,

Bình Sa, Bình Hải, Bình Minh, hướng thoát nước chính về sông Trường Giang. Riêng khu vực thị trấn Hà Lam, hiện trạng có hướng thoát nước về phía Đông sau đó một phần thoát về hướng Nam qua suối Tư Chánh, còn lại một phần thoát về hướng Bắc qua kênh Bàu Bàng sau đó đổ ra sông Trường Giang, định hướng thoát nước cho thị trấn Hà Lam cần cải tạo mở rộng kênh Bàu Bàng về sông Trường Giang để giảm lưu lượng nước về phía Nam chảy về sông Bàn Thạch (Tam Kỳ).

+ Vùng phía Nam: bao gồm diện tích tự nhiên các xã Bình Phú, Bình Chánh, Bình Tú, Bình Trung, Bình Quế, Bình An, Bình Nam. Hướng thoát nước về sông Bàn Thạch qua các suối Bình Tú, suối Kế Xuyên, suối Cánh Tiên và các suối nhỏ khác, đây là khu vực thượng lưu đổ về sông Bàn Thạch, Tam Kỳ.

- Các dự án tiêu thoát nước chính:

+ Nạo vét sông Trường Giang; quản lý hành lang thoát lũ vùng trung Thăng Bình từ bàu Hà Kiều đến sông Bàn Thạch (Tam Kỳ) và sông Trường Giang.

+ Xây dựng hệ thống đê kè dọc bờ sông Ly Ly những đoạn có nguy cơ sạt lở cao, khu vực bị ngập lụt thường xuyên.

+ Xây dựng các tuyến đường tránh lũ cho các khu vực thường xuyên bị ngập lụt để phục vụ mục đích giao thông và cứu nạn cứu hộ trong trường hợp lũ lụt xảy ra.

b) Giao thông

- Giao thông đối ngoại:

+ Đường Cao tốc, Quốc lộ: theo Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050; Đường tỉnh: ĐT 619, ĐT 612, ĐT 613, ĐT 613B, kéo dài tuyến ĐT 611 nối ĐT 613.

+ Quy hoạch 02 tuyến ĐT: ĐT 613C có điểm đầu từ đường ĐT 619 tại Bình Sa, điểm cuối giao QL14E tại xã Bình Lâm, huyện Hiệp Đức; ĐT 619B có điểm đầu từ đường ĐT 619 tại Bình Sa, điểm cuối giao QL 14H.

+ Nâng cấp, mở rộng các tuyến ĐH liên huyện đối ngoại đạt tiêu chuẩn đường cấp V - đồng bằng, quản lý lộ giới 30,0m: ĐH10.TB; ĐH15.TB; ĐH18.TB; ĐH20.TB; ĐH21.TB; ĐH28.TB.

- Các tuyến đường ĐH khác: tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện các tuyến đường ĐH đạt tiêu chuẩn đường cấp V - đồng bằng, quản lý lộ giới 30m.

- Các tuyến giao thông khác: tuyến đường sát biển; tuyến dọc sông Ly Ly (ĐH24.TB) phục vụ đê kè, thoát lũ; tuyến đường ven kênh chính Bắc Phú Ninh; đường phục vụ nuôi trồng thủy sản và chăn nuôi tập trung; đường phục vụ công tác lâm sinh.

- Hệ thống giao thông đô thị: theo quy hoạch các đô thị Hà Lam, Bình Minh, Khu Kinh tế mở Chu Lai.

- Hệ thống giao thông nông thôn: theo quy hoạch chung xây dựng các xã.
- Đường sắt: đường sắt Bắc - Nam qua huyện và ga Phú Cang; tuyến đường sắt cao tốc; tuyến đường sắt đô thị kết nối thành phố Hội An với Cảng hàng không Chu Lai, hướng tuyến theo hành lang tuyến đường bộ ven biển Việt Nam (đường Võ Chí Công) và đường nối từ đường ĐT 619 (nút giao Bình Sa) kết nối vào Quốc lộ 14H.

- Đường thủy nội địa: nạo vét luồng lạch tuyến sông Trường Giang đảm bảo đạt tiêu chuẩn kỹ thuật sông cấp 4, hiện đại mạng lưới giao thông đường thủy đáp ứng vận chuyển hàng hóa, hành khách. Đắp đê kè, trồng cây xanh 2 bên bờ sông, giảm ô nhiễm môi trường và phục vụ phát triển du lịch.

- Công trình đầu mối:

- + Bến xe, bãi đỗ xe: (1) Bến xe Thăng Bình tại thị trấn Hà Lam đạt tiêu chuẩn bến xe loại III; (2) Xây dựng mới bến xe Bình Minh đạt tiêu chuẩn bến xe loại IV; (3) Bổ sung quy hoạch mới bến xe Bình Trị.

- + Bến thuyền: xây dựng, nâng cấp 04 bến sông do huyện quản lý, gồm bến Chợ Đước; bến Bình Trúc II (xã Bình Sa), bến Bình Hải và bến Bình Giang.

- c) Cấp nước sinh hoạt:

- Đầu tư nâng cấp nhà máy cấp nước Thăng Bình lên 21.000m³/ngày đêm cho giai đoạn đến 2030.

- Cấp nước vùng Tây: xây dựng nhà máy nước tại xã Bình Lãnh, xã Bình Phú; Cấp nước vùng đông, Khu kinh tế mở: sử dụng nước từ nhà máy nước BOO Phú Ninh; Cấp nước vùng Trung (các xã Bình An, Bình Trung, Bình Tú): Sử dụng nước từ nhà máy nước Tam Kỳ.

- d) Cấp nước sản xuất:

Đầu tư xây dựng hoàn thiện hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất, tập trung chủ yếu nâng cấp các công trình thủy lợi, kéo dài và kiên cố hoá kênh mương, nâng cao hiệu quả hoạt động của các hồ chứa, trạm bơm, đập trên địa bàn huyện.

- e) Cấp điện:

Nâng công suất trạm 110/22kV Thăng Bình lên 2x40MVA; Nâng công suất trạm 110/22kV Thăng Bình 2 lên 2x40MVA.

- g) Thoát nước thải:

- Đến năm 2030 công suất trạm xử lý khu đô thị Hà Lam 6.000 m³/ngày đêm, khu đô thị Bình Minh khoảng 4.000 m³/ngày.đêm. Theo điều chỉnh quy hoạch Khu Kinh tế mở Chu Lai, bố trí 3 trạm xử lý nước thải cho khu vực Đông Thăng Bình, công suất lần lượt: 2.500 m³/ngày.đêm; 2.500 m³/ngày.đêm; 6.000 m³/ngày.đêm.

- Nước thải sinh hoạt khu vực nông thôn: sử dụng bể tự hoại để xử lý nước thải sinh hoạt tại mỗi hộ gia đình trước khi đổ ra môi trường.

- Đối với nước thải sản xuất, dịch vụ: từng khu công nghiệp, cụm công nghiệp trong khu vực xây dựng hệ thống thoát nước riêng. Toàn bộ nước thải công nghiệp sẽ được xử lý cục bộ tại mỗi nhà máy đạt quy chuẩn môi trường, sau đó dẫn về trạm xử lý nước thải công nghiệp tập trung trước khi thải ra môi trường. Từng khu du lịch, nghỉ dưỡng trong khu vực xây dựng hệ thống xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

- Đối với nước thải từ chăn nuôi, giết mổ gia súc: nước thải từ chăn nuôi gia trại trong khu vực cần được xử lý triệt để bằng cách xây dựng hầm biogas để xử lý đồng thời tận dụng năng lượng để phục vụ sản xuất, chăn nuôi. Đối với các trang trại chăn nuôi tập trung, giết mổ gia súc, gia cầm: cần xây dựng hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn môi trường trước khi xả ra môi trường.

h) Quy hoạch khu xử lý chất thải rắn: quy hoạch mới khu xử lý chất thải rắn Bình Phú tại thôn Đức An, xã Bình Phú diện tích 9,8ha.

i) Quy hoạch xây dựng nghĩa trang:

- Trong ranh giới quy hoạch Khu Kinh tế mở bố trí 2 khu nghĩa trang nhân dân: Nghĩa trang Bình Sa 67ha và nghĩa trang Nam Thăng Bình 40ha. Ngoài ra còn có nghĩa trang vùng Đông Thăng Bình (Bình Dương) 40ha.

- Quy hoạch nghĩa trang vùng Tây Thăng Bình để đáp ứng nhu cầu chôn cất và đảm bảo môi trường cho vùng Tây và thị trấn Hà Lam, quy mô khoảng 50 ha.

k) Hạ tầng viễn thông

Xây dựng và phát triển hệ thống hạ tầng viễn thông có công nghệ hiện đại; có độ bao phủ rộng khắp trên địa bàn huyện. Thực hiện từng bước việc ngầm hóa hạ tầng mạng cáp viễn thông trong khu vực đô thị.

8. Các vấn đề có liên quan biện pháp bảo vệ môi trường

- Đảm bảo các yêu cầu về phòng chống thiên tai theo quy định và Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND ngày 10/5/2023 của UBND tỉnh;

- Đảm bảo các yêu cầu về ứng phó biến đổi khí hậu theo quy định và Quyết định số 2579/QĐ-UBND ngày 21/9/2020 của UBND tỉnh;

- Nghiên cứu chỉnh trang, xây dựng hệ thống thủy lợi kết hợp tiêu thoát nước phù hợp theo từng giai đoạn phát triển;

- Phát triển đô thị phải đồng bộ với giải pháp hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật;

- Định kỳ đánh giá và đề xuất các giải pháp hạn chế các tác động về môi trường trong quá trình phát triển.

9. Danh mục dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện

a) Danh mục dự án ưu tiên đầu tư để phát triển vùng

- Quy hoạch: lập các thủ tục quản lý phát triển đô thị Bình Minh; điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Hà Lam mở rộng và các thủ tục quản lý phát triển

đô thị; lập quy hoạch các khu chức năng; quy hoạch nông thôn (lập mới, điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã, quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn theo định hướng quy hoạch chung xã),...

- Giao thông: tập trung nguồn vốn đầu tư các danh mục công trình tại phần quy hoạch giao thông tại Điểm 7.b) nêu trên.

- Cấp nước sinh hoạt: nâng cấp nhà máy nước Thăng Bình; Xây dựng mới nhà máy nước Bình Lãnh, Bình Phú; xây dựng mới, cải tạo nâng cấp các công trình cấp nước nông thôn.

- Cấp điện: xây dựng và nâng cấp các trạm điện bảo đảm cung cấp đủ điện theo từng giai đoạn quy hoạch.

- Thoát nước bản, chất thải rắn, nghĩa trang: đầu tư nhà máy xử lý nước thải khu đô thị Hà Lam; khu xử lý chất thải rắn Bình Phú; nghĩa trang vùng Tây Thăng Bình.

- Thủy lợi: xây dựng và nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi đảm bảo phục vụ sản xuất của nhân dân.

- Thương mại - dịch vụ, du lịch: kêu gọi thu hút đầu tư các khu du lịch; công trình thương mại dịch vụ. Xây dựng, nâng cấp các chợ theo quy hoạch.

- Nông nghiệp: thực hiện các dự án cơ sở chăn nuôi tập trung, các dự án nông nghiệp khác theo đúng quy định.

- Chuẩn bị kỹ thuật: Kè sông Ly Ly, gia cố sạt lở Bàu Hà Kiều, hoàn thiện dự án kè sông Trường Giang đoạn qua huyện Thăng Bình.

b) Nguồn lực: từ nguồn ngân sách Nhà nước và nguồn đầu tư từ khu vực ngoài ngân sách.

Điều 2. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thăng Bình, giai đoạn đến năm 2030.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. UBND huyện Thăng Bình chịu trách nhiệm

- Công bố công khai quy hoạch được duyệt; quản lý giám sát việc thực hiện quy hoạch xây dựng theo quy định. Tổ chức bàn giao hồ sơ, tài liệu quy hoạch cho địa phương, các đơn vị liên quan làm cơ sở để quản lý và tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện quy hoạch xây dựng phát triển đô thị, nông thôn, khu chức năng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện được duyệt theo quy định tại Luật Xây dựng, Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng, các quy định điều chỉnh bổ sung và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Xây dựng kế hoạch rà soát, điều chỉnh các quy hoạch xây dựng, quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết theo quy định pháp luật;

đồng thời, lập kế hoạch và hướng dẫn UBND các xã thực hiện việc rà soát, điều chỉnh các hồ sơ quy hoạch nông thôn phù hợp theo định hướng quy hoạch xây dựng vùng huyện phê duyệt.

- Phối hợp với các Sở, ngành liên quan đề xuất giải pháp quản lý triển khai thực hiện quy hoạch; lập kế hoạch đầu tư xây dựng, huy động nguồn vốn đầu tư để thực hiện các công trình hạ tầng kỹ thuật cấp huyện.

2. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát UBND huyện Thăng Bình quản lý quy hoạch xây dựng vùng huyện Thăng Bình được duyệt theo quy định pháp luật.

3. Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Lao động, Thương binh và Xã hội; Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao theo dõi, hướng dẫn, phối hợp với UBND huyện Thăng Bình trong quá trình quản lý phát triển theo đúng quy hoạch được duyệt.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Thông tin và Truyền thông, Lao động - Thương binh và Xã hội, Trưởng ban Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Thăng Bình và thủ trưởng các đơn vị, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Huyện ủy, HĐND - UBND huyện Thăng Bình;
- CPVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KGVX, NCKS, KTTH, KTN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Trí Thanh